

Số: 20/TB-HĐT

An Giang, ngày 23 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO

**Kết quả điểm thi vòng 2 kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng
viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020**

Căn cứ Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020; Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020 (sau đây gọi tắt là Hội đồng thi); Quyết định số 04/QĐ-HĐT ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng thi về việc tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020.

Hội đồng thi đã tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020 đảm bảo đúng các quy định hiện hành. Sau khi hoàn tất các quy trình liên quan đến công tác chấm thi, được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thi thông báo điểm thi của công chức, viên chức dự thi **Vòng 2** kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020. Hội đồng thi đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố có công chức, viên chức dự thi thực hiện một số nội dung sau đây:

1. Thông báo điểm thi đến từng công chức, viên chức có tên trong Danh sách đính kèm.

2. Thông báo về thời gian nhận phúc khảo và giải quyết các kiến nghị về điểm thi như sau:

- Thời gian nhận đơn phúc khảo: Hội đồng thi tiếp nhận đơn phúc khảo bài thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ (có mẫu kèm theo) và giải quyết các kiến nghị về điểm thi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi. Lưu ý: Hội

đồng Thi không nhận đơn phúc khảo gửi bằng bưu điện và không giải quyết phúc khảo đối với các đơn phúc khảo nhận được sau thời gian nêu trên.

- Phí phúc khảo theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính là: 150.000 đồng/bài thi.

- Địa điểm tiếp nhận đơn phúc khảo và phí phúc khảo: Sở Nội vụ (Cơ quan thường trực của Hội đồng thi), địa chỉ số 89 đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (trong giờ hành chính).

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thông báo kết quả thi vòng 2 đến thí sinh được biết. Thông báo này và các thông tin khác có liên quan đến kỳ thi được niêm yết công khai tại Sở Nội vụ, trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ <http://sonoivu.angiang.gov.vn/>. *NQT*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, HĐT, SNV.Pu.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Văn Phước

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ THI VÒNG 2 CỦA VIÊN CHỨC THAM DỰ
KỲ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH LÊN CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HĐT ngày 23/4/2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức,
thăng hạng viên chức hành chính lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2020)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác	Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ				
1	B001	Lê Thị Tứ Phương		05/12/1983	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Giống thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	51,0
2	B002	Nguyễn Văn Hoàng	17/7/1982		Cán sự Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	56,0
3	B003	Trần Huỳnh Mai		24/4/1983	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	50,0
4	B004	Chu Thị Thu Hường		21/9/1982	Nhân viên Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	32,0
5	B005	Mai Thị Tiến		29/10/1985	Cán sự Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Sở Y tế	Chuyên viên	51,0
6	B006	Dương Thị Mỹ Dung		25/01/1969	Nhân viên Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh	Sở Y tế	Chuyên viên	35,0



TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ					
7	B007	Nguyễn Ngọc Trân		02/07/1976	Nhân viên Bệnh viện Mắt-TMH-RHM	Sở Y tế	Chuyên viên	50,0	
8	B008	Huỳnh Thị Thảo		17/09/1974	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Y tế TP Châu Đốc	Sở Y tế	Chuyên viên	40,0	
9	B009	Trần Thị Thanh Loan		09/08/1985	Nhân viên Trung tâm Y tế TP Châu Đốc	Sở Y tế	Chuyên viên	50,0	
10	B010	Nguyễn Thị Trang		1975	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	Sở Y tế	Chuyên viên	60,0	
11	B011	Lê Thành Hậu	07/02/1979		Phó Trưởng phòng, Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	Sở Y tế	Chuyên viên	54,5	
12	B012	Trung Vương Hoàng Lượng	16/09/1988		Nhân viên Trung tâm Thẩm định dự án Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên	62,0	
13	B013	Phan Phúc Kiến	15/10/1985		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	58,0	
14	B014	Nguyễn Phúc Vĩnh	20/02/1981		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	60,0	
15	B015	Phạm Văn Tám	06/02/1980		Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	50,0	
16	B016	Nguyễn Hồng Sơn	15/05/1980		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	66,0	
17	B017	Huỳnh Văn Hận	28/08/1984		Phó Trưởng phòng, Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	50,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác	Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ				
18	B018	Huỳnh Phú Cường	17/07/1965		Cán sự Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	54,0
19	B019	Hồ Thị Kim Hồng		11/04/1987	Phó Trưởng phòng, Trung tâm Dịch vụ việc làm An Giang	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	58,0
20	B020	Võ Thanh Hải	28/08/1965		Phó Trưởng phòng, Trung tâm Thẩm định dịch vụ tài chính	Sở Tài chính	Chuyên viên	50,0
21	B021	Phan Kim Nhị		18/02/1984	Trưởng phòng, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	53,0
22	B022	Nguyễn Sĩ Hùng	24/11/1969		Phó Trưởng phòng, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	34,0
23	B023	Dương Thanh Khiết	23/12/1985		Trưởng phòng, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	58,0
24	B024	Trần Lệ Xuân		19/06/1976	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Chuyên viên	53,0
25	B025	Trần Thiện Khâm	09/06/1989		Phó Trưởng phòng	Ban Quản lý Di tích Văn hóa Óc Eo	Chuyên viên	62,0
26	B026	Phan Ngọc Tuấn	15/08/1980		Nhân viên Đài Truyền thanh huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	50,0
27	B027	Huỳnh Hồ Thanh Huy	1976		Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	55,0
28	B028	Trương Hồ Triều Nghi	10/04/1975		Cán sự Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Chuyên viên	65,0



TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác	Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ				
29	B029	Nguyễn Toàn Thắng	24/06/1983		Cán sự Đội Quản lý trật tự đô thị TP Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Chuyên viên	72,0
30	B030	Lê Hữu Đức	24/12/1982		Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Chuyên viên	59,0
31	B031	Võ Ngọc Hạnh		16/09/1975	Cán sự Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	70,0
32	B033	Nguyễn Thị Kim Ngân		12/06/1987	Kế toán Trung tâm Tư vấn Dịch vụ Dân số - gia đình và trẻ em	Sở Y tế	Kế toán viên	75,0
33	B034	Nguyễn Thị Kim Sang		12/06/1983	Kế toán Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	Sở Y tế	Kế toán viên	69,0
34	B035	Hồ Thị Cẩm Quyên		22/01/1983	Kế toán Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	Sở Y tế	Kế toán viên	72,0
35	B036	Lê Dương Bích Thuận		10/05/1980	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	76,0
36	B037	Bùi Trung Việt	17/01/1972		Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	69,0
37	B038	Huỳnh Dương Ngọc Tú	28/08/1985		Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	70,0
38	B039	Phạm Nguyễn Thảo Nguyên		29/12/1985	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	89,0
39	B040	Lê Ngọc Dung		25/05/1989	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	69,0



TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ					
40	B041	Huỳnh Ngọc Diễm		12/02/1986	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	84,0	
41	B042	Lê Thị Thùy Trang		04/05/1986	Kế toán Bệnh viện Sản - Nhi	Sở Y tế	Kế toán viên	70,0	
42	B043	Hà Thị Bích Hoàn		13/04/1973	Kế toán Bệnh viện Tim mạch	Sở Y tế	Kế toán viên	40,0	
43	B044	Trần Kim Ngọc		20/03/1982	Kế toán Bệnh viện Tim mạch	Sở Y tế	Kế toán viên	54,0	
44	B045	Lương Thị Thanh Tâm		16/06/1981	Phó Trưởng phòng, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu	Sở Y tế	Kế toán viên	50,0	
45	B046	Trần Ngọc Vân Khoa		22/12/1982	Kế toán Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu	Sở Y tế	Kế toán viên	50,0	
46	B047	Đỗ Thị Thanh Trúc		07/07/1982	Kế toán Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu	Sở Y tế	Kế toán viên	50,0	
47	B048	Huỳnh Quốc Điền	30/10/1988		Kế toán Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Sở Y tế	Kế toán viên	60,0	
48	B049	Dương Kim Thoa		13/03/1975	Phó Trưởng phòng, Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Kế toán viên	54,0	
49	B050	Trần Thị Ngọc Hương		02/06/1985	Kế toán	Trường Cao đẳng Nghề An Giang	Kế toán viên	78,0	
Tổng cộng: 49 người									

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ THI VÒNG 2 CỦA CÔNG CHỨC THAM DỰ
KỶ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH LÊN CHUYÊN VIÊN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Thông báo số 20/TB-HĐT ngày 23/4/2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2020)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ					
1	A002	Võ Trung Kiên	06/01/1986		Nhân viên Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	46,0	
2	A003	Trần Thị Trường An		16/07/1979	Cán sự Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	51,0	
3	A004	Nguyễn Thị Phú		22/04/1983	Cán sự Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	46,0	
4	A005	Đỗ Văn Hữu	10/11/1972		Phó Trưởng phòng, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	Chuyên viên	54,0	
5	A006	Nguyễn Văn Ngọc	04/12/1977		Cán sự Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	Chuyên viên	61,0	
6	A007	Trần Phương Nam	25/11/1990		Cán sự Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh	Chuyên viên	58,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ					
7	A008	Trần Thị Niêm		24/04/1977	Cán sự Phòng Quản lý doanh nghiệp	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh	Chuyên viên	41,0	
8	A009	Triệu Thạch Vũ	1979		Cán sự Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	Chuyên viên	53,0	
9	A010	Phạm Thị Thanh Trúc		18/12/1989	Cán sự Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	Chuyên viên	50,0	
10	A011	Huỳnh Thị Kim Hương		20/08/1986	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Tư pháp	Chuyên viên	55,0	
11	A012	Lê Thị Huỳnh Duyên		21/10/1967	Phó Trưởng phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	58,0	
12	A013	Lưu Xuân Dục	01/09/1965		Cán sự Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	53,0	
13	A014	Tăng Thị Trâm Anh		15/04/1981	Cán sự Phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	54,0	
14	A015	Lưu Minh Thơ	18/01/1963		Cán sự Thanh tra Sở	Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên	51,0	
15	A016	Vương Thị Mận		10/05/1974	Cán sự Phòng Quản lý Giá - Công sản	Sở Tài chính	Chuyên viên	55,0	
16	A018	Nguyễn Thị Phương Thảo		21/04/1990	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Tài chính	Chuyên viên	42,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ					
17	A019	Nguyễn Phước Hiền	30/12/1962		Phó Trưởng phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	51,0	
18	A020	Vũ Thị Hạnh Chi		13/06/1982	Cán sự Phòng Xây dựng nếp sống văn hoá và gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyên viên	59,0	
19	A021	Trịnh Thị Sang		30/11/1971	Cán sự Phòng Nội vụ huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	50,0	
20	A023	Nguyễn Thị Tuyết Mai		16/06/1992	Cán sự Thanh tra huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	62,0	
21	A024	Phan Thị Kim Thúy		20/02/1971	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Chuyên viên	56,0	
22	A025	Trần Đức Anh	20/01/1983		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Chuyên viên	56,0	
23	A026	Huỳnh Văn Hóa	01/03/1964		Cán sự Phòng Lao động, Thương binh - Xã hội huyện Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Chuyên viên	52,0	
24	A028	Tô Thanh Tùng	09/10/1964		Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Chuyên viên	51,0	
25	A029	Đỗ Thị Thanh Diễm		20/03/1983	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Chuyên viên	59,5	
26	A030	Trần Văn Trà	10/08/1975		Cán sự Phòng Quản lý đô thị TP Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	65,5	

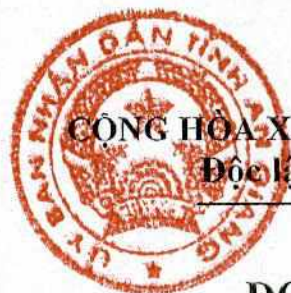


TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ					
27	A031	Phan Minh Trúc		07/10/1985	Cán sự Phòng Kinh tế thành phố Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	65,5	
28	A032	Huỳnh Kim Lợi		02/02/1980	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND TP Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Chuyên viên	45,0	
29	A033	Vương Kim Khoa	1980		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Thoại Sơn	UBND huyện Thoại Sơn	Chuyên viên	50,5	
30	A034	Nguyễn Văn Hải	16/07/1979		Cán sự VP. HĐND và UBND huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	51,0	
31	A035	Trần Thị Như Oanh		30/10/1986	Cán sự VP. HĐND và UBND huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	48,0	
32	A036	Võ Văn Cường	26/05/1970		Cán sự Phòng Y tế huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	58,5	
33	A037	Nguyễn Trung Chánh	25/11/1972		Phó Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Phú Tân	UBND huyện Phú Tân	Chuyên viên	50,0	
34	A038	Võ Trương Kim Định		16/12/1990	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Tri Tôn	UBND huyện Tri Tôn	Chuyên viên	61,5	
35	A039	Néang Sa Ri		23/05/1981	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Tri Tôn	UBND huyện Tri Tôn	Chuyên viên	43,5	
36	A040	Trần Thị Ngọc Viên		10/07/1986	Cán sự Thanh Tra huyện Tri Tôn	UBND huyện Tri Tôn	Chuyên viên	78,0	
37	A041	Huỳnh Minh Luật	01/01/1977		Cán sự Phòng Y tế huyện Châu Phú	UBND huyện Châu Phú	Chuyên viên	53,5	



TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ					
38	A042	Soroles	10/07/1974		Trưởng phòng Dân tộc TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	54,5	
39	A043	Nguyễn Anh Phương	12/04/1967		Phó Trưởng phòng Kinh tế TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	74,5	
40	A044	Đoàn Tấn Lâm	19/04/1972		Cán sự Phòng Kinh tế TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	39,0	
41	A045	Đặng Văn Cán	20/10/1966		Phó Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	51,5	
42	A046	Huỳnh Hoàng Tông Nữ Phối Ly		18/07/1977	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	65,5	
43	A047	Trần Thị Thuỳ Linh		01/04/1976	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	59,0	
44	A048	Phan Thị Diễm		11/09/1973	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội TX Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Chuyên viên	53,0	
45	A049	Huỳnh Văn Phong	1985		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	60,0	
46	A050	Trương Kim Nga	30/07/1974		Cán sự Phòng Nội vụ huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	56,5	
47	A051	Nguyễn Minh Giang	30/01/1980		Cán sự Thanh tra huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	61,5	
48	A052	Trần Hoàng Phúc	08/10/1964		Cán sự Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Chuyên viên	59,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh đơn vị công tác		Ngạch dự thi	Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ					
49	A053	Nguyễn Thị Thu Lan		1986	Kế toán Chi cục Văn thư - Lưu trữ	Sở Nội vụ	Kế toán viên	59,0	
50	A054	Dương Bảo Châu		20/06/1987	Kế toán Phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Giao thông vận tải	Kế toán viên	43,0	
51	A055	Võ Thị Phượng Oanh		10/07/1985	Phó Trưởng phòng, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	Kế toán viên	70,0	
52	A056	Phạm Mi Liên Minh	28/07/1978		Kế toán Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Kế toán viên	67,0	
53	A057	Nguyễn Thị Phước Mai		14/06/1985	Kế toán Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Kế toán viên	75,0	
54	A060	Lê Thành Chảy	05/08/1985		Kiểm lâm viên trung cấp Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	68,0	
55	A061	Trần Trung Thuận	04/10/1980		Kiểm lâm viên trung cấp Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	71,0	
56	A062	Nguyễn Văn Thương	26/07/1971		Trưởng Trạm Kiểm lâm Lê Trì, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	69,0	
Tổng cộng 56 người									



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN PHÚC KHẢO

Kính gửi: Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020

Tôi tên là:..... Giới tính:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Chức vụ (chức danh) và đơn vị công tác:.....

Vào ngày....., tôi đã tham dự kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2020 do Hội đồng thi của Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

Số báo danh:.....

Theo Thông báo về điểm thi của Hội đồng thi, điểm số môn chuyên môn, nghiệp vụ của tôi là.....điểm.

Với kết quả thi như trên, tôi làm đơn phúc khảo, kính đề nghị Hội đồng thi xem xét và chấm phúc khảo bài thi cho tôi.

....., ngàythángnăm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

